TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH P
Bản án số:22/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 11 năm 2023
V/v:*"Ly hôn, nuôi con chung"*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH P

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Chí.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nghị và ông Bùi Hồng Đào.
Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hải Long –Thư ký của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh P tham gia phiên toà: Ông Hà Trọng Thực - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:77/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:38/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số:33/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Tuyết M**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu Đồng Thịnh, xã M, huyện T, tỉnh P (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh **Hoàng Tiến D**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Khu Đồng Thịnh, xã M, huyện T, tỉnh P (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2023 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 12/01/2007, chị Trần Thị Tuyết M với anh Hoàng Tiến D đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T, tỉnh P. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo hòa giải nhưng không thành. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện T, cho chị xin được ly hôn anh Hoàng Tiến D.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Hoàng Ngọc Anh, sinh ngày 16/11/2007. Khi ly hôn nguyện vọng của cháu Anh là được ở cùng chị M, nên khi ly hôn chị xin được nuôi cháu Anh không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía Bị đơn Hoàng Tiến D vắng mặt: Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng anh D đều vắng mặt. Để giải quyết vụ án, Tòa án mời ông Hoàng Tiến Hùng là Bố đẻ của anh Hoàng Tiến D để tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, tài sản, công nợ và công sức giữa chị M với anh D. Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/10/2023 ông Hoàng Tiến Hùng cho biết:

Về hôn nhân: Con trai ông là Hoàng Tiến D cùng chị Trần Thị Tuyết M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T, tỉnh P. Sau khi kết hôn anh D; chị M về sinh sống cùng gia đình ông tại khu Đồng Thịnh, xã M, huyện T, tỉnh P. Đến năm 2016 chị M đi Đài Loan từ đó đến nay, còn anh D đi làm ăn thỉnh thoảng mới về.

Về con chung: Vợ chồng anh D; chị M có một con chung cháu Hoàng Ngọc Anh, sinh năm 2007. Hiện cháu đang ở cùng vợ chồng tôi, nguyện vọng cháu ở cùng ai thì chúng tôi đồng ý việc nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Ông Hùng không có ý kiến gì về tài sản, công nợ và công sức.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh P phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Việc nhận đơn, thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, Bị đơn vắng mặt không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình nên không tiến hành hòa giải được, nhưng đã được Thẩm phán thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho Bị đơn theo khoản 5 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P xét xử vắng mặt Bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Chị M; anh D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo qui định. Trong cuộc sống chung vợ chồng hai bên không hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M; anh D là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M.

Về con chung: Đề nghị áp dụng khoản 1,2 Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Theo nguyện vọng cháu Hoàng Ngọc Anh, sinh ngày 16/11/2007 được ở cùng chị M nên giao cháu Anh cho chị M nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Do nguyên đơn không yêu cầu và Bị đơn vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Về án phí dân sự: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Tuyết M có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P cho chị xin ly hôn với anh Hoàng Tiến D, căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P.

[2]. Về việc vắng mặt Bị đơn: Tại phiên tòa ngày hôm nay, Nguyên đơn có mặt; Bị đơn anh D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh D. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P xét xử vắng mặt Bị đơn là phù hợp.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị M; anh D trước khi kết hôn có thời gian tự nguyện tìm hiểu. Năm 2007 hai bên đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T, tỉnh P. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Trong quá trình xác minh, thu thập chứng cứ, Tòa án đã làm rõ hiện vợ chồng anh, chị đã ly thân, không quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị M; anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận việc yêu cầu xin ly hôn của chị M với anh D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Trong quá trình chung sống chị M; anh D có một con chung Hoàng Ngọc Anh, sinh ngày 16/11/2007. Khi ly hôn cháu nguyện vọng của cháu Anh là được ở cùng mẹ nên khi ly hôn giao cháu Hoàng Ngọc Anh cho chị M nuôi dưỡng là phù hợp.

[5]. Về cấp dưỡng tiền nuôi con; tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết và trong quá trình giải quyết vụ án, anh D vắng mặt nên chưa có yêu cầu về những vấn đề này.Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vụ án trong phạm vi khởi kiện. Do đó, khi chị M; anh D có yêu cầu thì anh; chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định pháp luật.

[6]. Về án phí: Chị M phải chịu án phí theo quy định.

[7]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên, là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; 57; khoản 1, 2 Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Tuyết M được ly hôn anh Hoàng Tiến D.

Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Tuyết M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Ngọc Anh, sinh ngày 16/11/2007 kể từ tháng 11 năm 2023 đến khi thành niên. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị M không yêu cầu và anh D vắng mặt, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Trần Thị Tuyết M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị M đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh P 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án theo Biên lai thu số 0004501 ngày 16/10/2023.

Về quyền kháng cáo: Chị M; anh D có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Văn Chí